

NHỮNG NHÂN TỐ XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH ỔN ĐỊNH CỦA MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG DI DÂN

LƯU ĐÌNH NHÂN

SỰ ổn định của các cộng đồng di dân tại những vùng kinh tế mới càng cao, thì hệ số dân cư trụ lại ở đây càng lớn. Sự ổn định đó xuất phát từ nhiều nhân tố phức tạp khác nhau. Việc tìm hiểu vai trò của những nhân tố xã hội tạo nên sự ổn định của các vùng kinh tế cộng đồng di dân sẽ đóng góp phần quan trọng vào công tác di dân, xây dựng vùng kinh tế mới.

Trên cơ sở quan niệm này, chúng tôi thử đưa ra một giả định sau : trong điều kiện hiện nay, các nhu cầu tồn tại của những cộng đồng di dân bao gồm nhiều mặt kinh tế, xã hội, văn hóa khác nhau đã chưa được đáp ứng đầy đủ ở mặt này hoặc mặt khác. Điều đó đã tạo ra sự bất ổn định tại những cộng đồng di dân. Đó phải chăng cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho người di cư bỏ vùng kinh tế mới về quê cũ hoặc tìm đến nơi khác đáp ứng được những nhu cầu nói trên.

Giả định trên được nghiên cứu từ hai nhóm đối tượng xác định. Đó là hai nhóm di cư theo chính sách:

- Nhóm I : gồm dân từ Hà Nam Ninh nhập cư vào hợp tác xã Thống Nhất, ven biển tỉnh Minh hải.
- Nhóm II : gồm dân từ Thanh Hóa, Hà Sơn Bình nhập cư vào nông trường cao su Lợi Hưng tỉnh

Sông Bé

Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo thêm số liệu thu nhập được từ nhóm III di cư tự do, gồm dân Nghệ - Tĩnh nhập cư vào Nông trường cao su Đồng Khởi tỉnh Đồng Nai.

1. Động cơ và thái độ chuyển cư.

Trước hết, cần xác định những nhu cầu gì đã đạt được những người chuyển cư đặt ra khi họ lên

đường tới vùng đất mới. Nói một cách khác, tìm hiểu động cơ và thái độ của họ đối với việc chuyển cư.

Kết quả điều tra của chúng tôi đã cho thấy, đa số dân cư hai nhóm đều chuyển cư vì tình hình kinh tế khó khăn. Nhóm I có 74 trả lời trên 80 mẫu. Nhóm II : có 77/100. Ở đây, việc tuyên truyền, vận động cũng đóng một vai trò quan trọng : nhóm I có 54 câu trả lời trên 80 mẫu và nhóm II là 69/100.

Nếu ra đi vì đời sống kinh tế khó khăn, thì cả hai nhóm đều định hướng tới nơi nào có ((điều kiện làm ăn dễ hơn)) (nhóm I : 72 câu trả lời /80 mẫu, nhóm II : 69/100). Cụ thể hơn, những người được điều tra đều chú trọng tới yếu tố ((đất tốt, rộng rãi)) và ((Nhà nước đảm bảo công ăn việc làm)). Như vậy, động cơ chuyển cư của hai nhóm chủ yếu được tập trung vào vấn đề đời sống kinh tế khó khăn. Điều đó chứng tỏ rằng, do thiếu đất đai và phương tiện sinh sống mà người chuyển cư buộc phải ra đi, chứ không hoàn toàn do ý thức tự giác, do sự nhận thức về ý nghĩa và ích lợi lớn lao của đất nước trong chính sách di dân.

Về thái độ chuyển cư của hai nhóm, chúng tôi nhận thấy, 36,9% số người ở nhóm I tin rằng các mặt cơ bản của đời sống bản thân và gia đình sẽ tốt đẹp hơn trên vùng đất mới : Nhóm II, tỷ lệ là 58,1%. Những người không tán thành với ý kiến trên lần lượt ở hai nhóm là 21,5% và 17%, còn 41,6% nhóm I và 24,9% nhóm II chưa có một ý niệm gì về vùng đất mới.

Những số liệu trên đã cho thấy, ý định chuyển cư của cả hai nhóm còn chưa rõ rệt. Để hiểu rõ hơn điều này, chúng ta cần tham khảo bảng những định hướng giá trị đối với uy tín và hạnh phúc gia đình nông thôn Bắc Bộ (được đo lường trùng với thời điểm di cư của các nhóm đang được khảo sát).

Nếu ở bảng này, yếu tố ((thuận vợ thuận chồng)) được ưu tiên hàng đầu thì trong thái độ chuyển cư của nhóm I có 22,5% số người được hỏi cho là sẽ tốt đẹp hơn, còn 17% không tán đồng đều trên và 60% đã không đặt vấn đề này ra. Nhóm II cũng có tình trạng tương tự. Nếu ở bảng giá trị, yếu tố ((thu nhập kinh tế cao)) được ưu tiên hàng hàng thứ hai thì trong thái độ chuyển cư được đặt lên hàng đầu. Còn những mặt khác như trong tương lai của con cái, những quan hệ xã hội v.v... cũng ít được chú trọng tới. Thang bậc giá trị của con người di cư có chiều hướng biến đổi khác với của những người ở lại quê cũ.

Ý định không rõ rệt đối với việc chuyển cư được thể hiện bằng việc những người chuyển cư đã dựa hẳn vào tập thể và Nhà nước để thực hiện động cơ của mình. Việc họ dựa vào tập thể và Nhà nước, tin tưởng vào sự vận động của Nhà nước là một điều kiện thuận lợi đối với việc di dân theo kế hoạch. Tuy nhiên, mọi vấn đề khó khăn sẽ nảy sinh khi va chạm với thực tiễn của vùng đất mới. Tại đây, một loạt các nhu cầu mới được đặt ra, những vấn đề cần thiết cho cuộc sống của bản thân và gia đình người di cư đòi hỏi phải được giải quyết hằng ngày hằng giờ. Nếu các nhu cầu đó không được đáp ứng, những người chuyển cư lại đứng trước một sự lựa chọn mới : ở lại, trở về hay tiếp tục tìm đến những nơi ở khác.

2. Ảnh hưởng của sự biến đổi các quan hệ xã hội.

Khi di chuyển tới nơi cư trú mới, các mối quan hệ xã hội của các nhóm dân cư cũng biến đổi. Để đo lường sự biến đổi này, chúng tôi đặt ra câu hỏi : ((Khi có việc cần giúp đỡ, ai là người thường xuyên giúp đỡ hoặc là chỗ dựa nhiều nhất của gia đình ? (trước và sau khi chuyển cư))).

Trong kết quả thu được, trước hết, chúng tôi muốn thấy các mối quan hệ huyết thống, thân tộc bị giảm sút mạnh mẽ, đặc biệt là ở nhóm II. Ví dụ, quan hệ với ((bố mẹ hai bên)) trước khi đi 43% thường xuyên, 24% là không bao giờ, thì sau khi đi thường xuyên quan hệ hạ xuống còn 4% và không bao giờ tăng lên 84%. Ở nhóm II, tỷ lệ là 12,5% thường xuyên quan hệ, không bao giờ là 47,5% trước khi đi, còn sau khi đi có 11,3% thường xuyên và không bao giờ ở mức độ 56,2%. Sự khác biệt này do nhóm II nhập cư vào nông trường, ở đây chủ yếu chỉ nhận gia đình hạt nhân trẻ, còn nhóm I ở Hợp tác xã Thống Nhất có thể nhận cả gia đình mở rộng.

Trong khi quan hệ huyết thống thân tộc bị giảm sút ở nơi đến, cả hai nhóm đều có khuynh hướng chuyển sang thiết lập quan hệ chặt chẽ với hàng xóm, bạn bè (hàng xóm và bạn bè ở đây chủ yếu là người cùng quê, sai đến người đi cùng đợt, cùng miền, rất ít có trường hợp là người khác miền).

Đặc biệt là quan hệ xóm giềng được thiết lập mạnh mẽ hơn. Ví dụ : Nhóm I, trước khi đi : 9% thường xuyên, 44% thỉnh thoảng, 47% không bao giờ : và sau khi đi lần lượt là 14%, 48%, 38%. Một chỉ báo khác cho thấy, các quan hệ thể xóm giềng, bạn bè được thiết lập chặt chẽ hơn là, nếu trước khi đi các mối quan hệ thể hiện chủ yếu ở tâm lý, tinh thần, thì sau khi đi thể hiện ở sự giúp đỡ nhau nhiều hơn về vật chất.

Chúng ta tham khảo thêm nhóm III – đi tự do. Nhóm này cũng có sự giảm sút mạnh mẽ ở quan hệ huyết thống, thân tộc và tăng cường quan hệ láng giềng, bạn bè như nhóm II (vì đều ở nông trường). Tuy nhóm II và III được nông trường đảm bảo tốt hơn về các nhu yếu phẩm, nhưng điều đó vẫn không lấn át được quan hệ có tính chất truyền thống này.

Việc xác lập những mối quan hệ huyết thống, thân tộc mới như hôn nhân, xây dựng gia đình cũng được hình thành ở trong xóm giềng, bạn bè. Sự thiết lập này được ưu tiên trước hết là người cùng quê, sau đến cùng đợt đi, cùng miền. Ví dụ, ở nhóm I, trong 12 trường hợp kết hôn chỉ có 2 trường hợp khác quê (khác huyện, cùng tỉnh), ở nhóm II có 6 trường hợp, đều cùng quê.

Như vậy, ở đây, chúng tôi phát hiện ra sự kết tụ mới của những người di cư, sự kết tụ có xu hướng tạo ra một cộng đồng làng xã tương tự như nơi ra đi của họ. Theo chúng tôi, xu

hướng kết tụ này là hoàn toàn tự nhiên và đặc biệt cần thiết cho sự ổn định của các nhóm di cư, để trở thành một cộng đồng thật sự, về hai phương diện. Thứ nhất, trong đời sống tâm lý, tinh thần những người chuyển cư cần đến nhau khi gặp những biến cố lớn như ma chay, cưới xin, khi rủi ro, hoạn nạn... Thứ hai, trong điều kiện sản xuất nông nghiệp lạc hậu hiện nay, những quan hệ đó có vị trí quan trọng, đặc biệt trên vùng đất mới, đất đai rộng rãi hơn sẽ đòi hỏi sự giúp đỡ, tương trợ nhau nhiều hơn về vốn và lao động.

Đến đây, chúng tôi có thể nhận định rằng, sự phát triển theo mô hình của cộng đồng truyền thống không những cần thiết cho đời sống tâm lý, tinh thần, mà còn bảo, đảm bảo trực tiếp cho một đời sống kinh tế ổn định. Sau nữa, sự kết tụ theo xu hướng phát triển này không còn tồn tại trên cơ sở tư hữu đất đai nữa, mà chủ yếu dựa vào các quan hệ xã hội mới. Nó sẽ không còn không đối lập với quá trình hòa nhập vào cộng đồng, mà ngược lại còn tạo điều kiện cho quá trình này.

Hiện tượng trên giải thích tại sao vào những ngày đầu tiên lên vùng đất mới, người di cư, do không thể tạo lập được ngay các quan hệ có tính chất cộng đồng làng xã ở một nơi xa lạ, nên dễ bỏ về (ba nhóm di cư mà chúng tôi nghiên cứu đều được tập hợp từ rất nhiều làng xã khác nhau). Vì thế, thực tiễn cho thấy, di dân với cự ly ngắn, nội huyện, nội tỉnh, hệ số dân trụ lại được cao hơn rất nhiều so với cự ly xa. Ở đây, họ không có nhiều cảm giác xa lạ. Quan hệ cộng đồng làng xã được thiết lập nhanh hơn.

Mối quan hệ của các cộng đồng di cư với cộng đồng dân cư địa phương diễn ra trong một bối cảnh xã hội khá phức tạp. Nông dân miền Nam đang ở những năm đầu của việc tổ chức lại sản xuất, xã hội theo hướng của chủ nghĩa xã hội. Giữa hai cộng đồng đã có một khoảng cách không nhỏ trong nhận thức và quan điểm. Kèm theo đó những sự khác biệt về lối sống, lối suy nghĩ, những phong tục tập quán, thậm chí cả những thói quen, cử chỉ, ngôn ngữ. Những va chạm do phong tục tập quán xảy ra ở mức độ là : nhóm I có 59 câu trả lời/80, nhóm II là 6/100. Những bất hòa, có thể, do những nguyên nhân nào đó tăng lên bất thường. Dân cư địa phương đôi khi nhìn nhận các cộng đồng di cư như là những kẻ đối lập với lợi ích kinh tế của mình.

Việc giảm đi cường độ của những bất hòa khác thường này phụ thuộc khá nhiều vào chính sách quản lý kinh tế - xã hội của các cấp lãnh đạo địa phương. Đồng thời, nó đòi hỏi phải đặt ra thường xuyên công tác giáo dục tư tưởng đối với dân di cư và dân địa phương, đối với cán bộ lãnh đạo cơ sở, thành lập những hội đoàn kết tiến đón người di cư, thân ái giúp đỡ nhau giữa hai cộng đồng, loại bớt trở ngại cho quá trình hòa nhập xã hội, tạo sự ổn định của cộng đồng di cư.

Để làm tốt công tác này, việc tổ chức tốt đời sống văn hóa mới cũng sẽ đóng một vai trò đặc biệt quan trọng.

3. Đời sống văn hóa với tư cách là một nhân tố xã hội quan trọng

Ở mỗi khung cảnh xã hội cụ thể khác nhau, nhu cầu về văn hóa được đặt ra cũng rất khác nhau. Ở những khu kinh tế mới, giao thông đi lại khó khăn, các khu dân cư thường cách biệt với xã hội lớn. Bởi vậy, vấn đề xã hội đời sống văn hóa nổi bật lên như một nhân tố xã hội quan trọng cho sự ổn định của những cộng đồng di cư.

Người nông dân Bắc Bộ, sau nhiều năm xây dựng mối quan hệ sản xuất mới, xã hội mới ở quê hương, đã có một đời sống văn hóa và hiểu biết tuy chưa cao nhưng khá cơ bản và toàn diện. Bởi vậy, điều kiện của những vùng kinh tế mới rõ ràng còn lâu mới có thể đáp ứng được nhu cầu văn hóa của họ. Đây là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự ổn định của các cộng đồng di cư.

Ở khu vực nhập cư của nhóm I, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng di cư bị giảm sút mạnh nhất. Trước khi đi có 63,8% số người được tham gia sinh hoạt văn hóa, thường thức nghệ thuật, còn sau khi đi có tới 67,5% cho là không bao giờ được tham gia, 32,5% cho là rất ít khi. Ở nhóm II, trước khi đi có 64% cho là thường xuyên, sau khi đi chỉ còn 4%. Bình quân một người trong một năm đi xem văn nghệ ở nhóm I là 0,4 lần, nhóm II là 1,82 lần và nhóm III là 1,90 lần. Điều đáng lưu ý ở đây là khu vực nhập cư của nhóm III cách trực lộ chính 1 Km, giao thông đi lại rất thuận tiện, sầm uất. Nhóm II cách trực lộ chính 30 km đi theo đường rừng cao su. Còn khu vực nhập cư của nhóm I từ trung tâm huyện phải đi thuyền mất hơn 3 giờ, đi lại ở đây khó khăn, phải thoe chiều nước lên xuống.

Phương tiện thông tin đại chúng ở cả ba khu vực được chú trọng phát triển. Hệ thống loa công cộng hầu như không hoạt động. Báo chí cũng khan hiếm. Nhìn chung cả ba nhóm, do hoàn cảnh địa lý, nhóm I và II, phương tiện thông tin đại chúng được đáp ứng tốt hơn, ví dụ : ở nhóm II, tỷ lệ số người được đi xem tivi trước khi đi là 7%, sau khi đi tăng lên 17,8% ; ở nhóm III trước khi đi là 1,7% nay tăng lên 50%.

Về giáo dục y tế, chúng tôi thu được kết quả sau. Nhóm I : 72,5% số người được hỏi cho rằng việc học hành của con cái họ kém hơn trước khi chuyển cư, 82,5% cho là điều kiện chữa bệnh kém hơn. Ở nhóm II : 76% cho là học hành của con cái kém hơn, 67% cho rằng điều kiện chữa bệnh kém hơn (không có ai cho là khá hơn). Với gần hai năm nhập cư, số lần có thai của phụ nữ là 242, trong đó có 28 trường hợp xảy thai hoặc sinh con ra đầu ồm chết.

Những số liệu đã dẫn trên cho thấy, hầu hết số người được điều tra đều cho rằng họ ở vào tình trạng đời sống văn hóa kém hơn so với nơi ở cũ. Thực tế đã cho thấy rằng, mặc dù sự

gia tăng thu nhập kinh tế là hết sức quan trọng, nhưng chưa đủ để tạo ra sự ổn định của các cộng đồng di dân. Ở đây, nhân tố văn hóa, xã hội lại chiếm một vị trí đặc biệt. Những số liệu điều tra của chúng tôi đã cho thấy, cả ba nhóm được nghiên cứu đều có đời sống kinh tế đi dần vào ổn định, có thu nhập cao hơn so với trước khi chuyển cư, có điều kiện thuận lợi hơn cho sản xuất nông nghiệp như : đất đai tốt, rộng rãi, số lượng công cụ sản xuất nhiều hơn, sự đầu tư, giúp đỡ của tập thể và Nhà nước tăng lên. Mặc dù vậy, do những yếu tố về mặt văn hóa, xã hội, số lượng những người muốn trụ lại tại những vùng đất mới vẫn còn chưa cao. Chẳng hạn, ở nhóm I, mặc dầu nhập cư đã được gần 7 năm, có thu nhập kinh tế cao nhất, nhưng lại do đời sống văn hóa và giao lưu khó khăn hơn cả, nên vẫn còn 20% số người được hỏi có ý định chuyển cư đến nơi khác. Nhóm II nhập cư gần 2 năm, nhưng do ở địa bàn có giao lưu thuận tiện và đời sống văn hóa được đáp ứng tốt hơn, nên số người có ý định tái chuyển cư hiện ở mức 14%. Còn nhóm III cũng nhập cư gần 2 năm, tỷ lệ những người này lên tới 41%.

Hướng chủ yếu của ý định tiếp tục chuyển cư là về quê cũ, sau đó đến nơi khác để sống hơn :

Nhóm I : - 43,7% về quê cũ

-31,2% đi nơi khác để sống hơn

Nhóm II : - 43,4% về quê cũ.

: - 23,9% đi nơi khác để sống hơn.

Nhóm III: - 33,3% về quê cũ

: -33,3 % đi nơi khác để sống hơn

Ở đây xuất hiện hướng đi mới của con cái những người chuyển cư theo ý định của họ là: ở nhóm I, 17,9 % ra thành phố và 32,1% tới các khu công nghiệp; ở nhóm II, 43,7% ra thành phố và 25% tới các khu công nghiệp.

*

* *

Sau quá trình điều tra, nghiên cứu, chúng tôi đi tới những nhận định như sau:

1. Thực trạng kinh tế - xã hội ở những vùng kinh tế mới vẫn còn chưa đáp ứng được đòi hỏi và nhu cầu của những người chuyển cư. Những nhu cầu và đòi hỏi nói trên

là một phức hợp phức tạp vừa có tính chất truyền thống lại vừa có tính chất hiện đại. Nhân tố xã hội truyền thống vẫn đóng một vai trò quan trọng cho sự ổn định của cộng đồng di cư.

2. Trên khu kinh tế mới, các cấp lãnh đạo chưa thực sự quan tâm tới nhu cầu xã hội và văn hóa của người chuyển cư. Con người lao động được chú ý nhiều hơn là con người xã hội. Nếu ở nơi ra đi, người di cư có đời sống vật chất, kinh tế khó khăn thì sau khi chuyển cư, họ lại ở trong một tình trạng nghèo nàn về mặt văn hóa và không được đáp ứng đầy đủ những nhu cầu về mặt cộng đồng xã hội
3. Mối quan hệ giữa cộng đồng di cư và cộng đồng địa phương là mối quan hệ của hai loại cộng đồng có trình độ tổ chức xã hội, sản xuất và giác ngộ chính trị khác nhau, nhưng lại giống nhau về phương hướng phát triển. Trong quá đi lên chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ này sẽ tiến dần tới sự đồng nhất. Tuy nhiên, hiện nay việc không giải quyết tốt mối quan hệ này đã có ảnh hưởng tới sự ổn định của các cộng đồng di cư.
4. Với cả ba điều trên, các vùng kinh tế mới vẫn chưa tạo ra được sự hấp dẫn của mình đối với những người chuyển cư.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã nhấn mạnh: ((Tình hình phân bố không đều lao động và dân cư giữa các vùng đang đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ to lớn là phân bố lại lao động và dân cư trên quy mô từng vùng và cả nước)) (1). Để thực hiện nhiệm vụ này, cần phải có sự cải tiến mạnh mẽ công tác quản lý, đổi mới trong tư duy, đề ra những chính sách thích hợp đối với các vùng kinh tế mới. Sự ổn định của các cộng đồng di cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cái cơ bản là phải đáp ứng ngày càng cao những nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội của người chuyển cư. Ở đây, cần phải xây dựng được một mô hình cộng đồng xã hội mới, văn minh, tiến bộ, thỏa mãn được những đòi hỏi của mỗi thành viên trong cộng đồng - một cộng đồng có sức cuốn hút hơn đối với những người chuyển cư.